TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2021/DS-ST
Ngày 14 - 01 - 2021
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tưởng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Trọng Sơn

2. Bà Trần Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thục Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Trọng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2020/TLST-TCDS ngày 21 tháng 7 năm 2020 về Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-TCDS ngày 20 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T

Địa chỉ: Số 198 đường T, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh B - Giám đốc Ngân hàng T - Chi nhánh Bắc Quảng Bình

Người được ủy quyền lại: Ông Võ Thanh T - Phó Giám đốc Ngân hàng T

Địa chỉ chi nhánh: Số 03 đường Lý Thường Kiệt, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Hoàng H, sinh năm 1966 và bà Hoàng Thị N, sinh năm: 1973;

Nơi cư trú: Thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị H, sinh năm: 1964

Nơi cư trú: Thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2020, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên toà, nguyên đơn Ngân hàng T trình bày: Ngày 06/11/2017, ông Hoàng H và bà Hoàng Thị N ký kết với ngân hàng Vietcombank Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 115/2017/VCB.QB để vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất trong hạn 8,6%/năm, mục đích vay để sửa chữa nhà ở. Để đảm bảo cho khoản vay ông H, bà N dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với thửa đất số 173, tờ bản đồ số 04 tại thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình theo Hợp đồng thế chấp số 15/2017/VCB.QB ngày 03/11/2017 để thế chấp cho ngân hàng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H, bà N đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền là 284.556.563 đồng (trong đó, tiền gốc là 184.053.535 đồng, tiền lãi là 99.313.507 đồng, lãi phạt là 1.189.521 đồng).

Từ ngày 03/6/2019, ông H, bà N không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thường xuyên xảy ra tình trạng nợ quá hạn, không hợp tác trả nợ. Tính đến ngày 14/01/2021, số tiền nợ gốc và lãi mà ông H, bà N phải trả cho Ngân hàng T là 993.941.116 đồng (trong đó, tiền gốc là 815.946.465 đồng, tiền lãi trong hạn là 168.036.616 đồng, lãi quá hạn là 9.958.035 đồng).

Ngân hàng T đã nhiều lần thông báo, làm việc yêu cầu trả nợ nhưng ông H, bà N vẫn cố tình không trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu ông H, bà N trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 14/01/2021 là 993.941.116 đồng. Trường hợp ông H, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị Tòa án tuyên xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 15/10/2020 và tại phiên tòa, bị đơn ông Hoàng H và bà Hoàng Thị N thống nhất trình bày: Vào năm 2017, ông H, bà N được bà Hoàng Thị H, trú tại cùng thôn nhờ vợ chồng ông bà vào Ngân hàng T để vay số tiền 50.000.000 đồng, bà H có mượn chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của vợ chồng ông bà. Vì tin tưởng nên vợ chồng ông bà cho bà H mượn giấy tờ tùy thân và đi theo bà H vào Ngân hàng T để ký kết hợp đồng. Cán bộ ngân hàng sau đó đưa ra một tập hồ sơ và yêu cầu ông bà ký, còn ký hợp đồng gì thì vợ chồng ông bà cũng không biết.

Sau đó, bà H đề nghị ông bà mở tài khoản để chuyển tiền vào nhưng sau khi mở tài khoản thì không thấy chuyển tiền về. Còn việc bà H vay bao nhiêu và chuyển tài khoản cho ai thì ông bà không biết. Ông bà có nhận từ bà Hoàng Thị H 90.000.000 đồng và mỗi tháng ông bà đưa cho bà Hiếu 70.000 đồng để trả tiền lãi, ông bà không nhớ đã trả lãi đến hời gian nào. Vợ chồng ông bà khẳng định ông bà không thế chấp tài sản gì tại Ngân hàng T và thửa đất số 173, tờ bản đồ số 4 không phải là của vợ chồng ông bà. Thửa đất của gia đình ông bà hiện đang thế chấp tại Ngân hàng N. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông, bà trả nợ thì đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vấn đề gì vi phạm. Nguyên đơn tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành sự triệu tập của Tòa án, vắng mặt các phiên hòa giải làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt bà Hoàng Thị H; căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều Điều 116, 117, 398, 401, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T, buộc ông Hoàng H và bà Hoàng Thị N trả toàn bộ số nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (14/01/2021) cho Ngân hàng T, số tiền là 993.941.116 đồng (trong đó, số tiền nợ gốc là 815.946.465 đồng, nợ lãi trong hạn: 168.036.616 đồng; lãi quá hạn: 9.958.035 đồng); căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng T về việc xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 15/2017/VCB.QB ngày 03/11/2017 để thu hồi nợ; căn cứ vào Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí cho bà Hoàng Thị N và ông Hoàng H theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Ngân hàng T có đơn khởi kiện về việc Tranh chấp Hợp đồng tín dụng đối với ông Hoàng H và bà Hoàng Thị N. Hiện tại ông Hoàng H và bà Hoàng Thị N đang có hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B.

- Về sự vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị H đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, cần căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vụ án vắng mặt bà H.

[2] Về nội dung vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông H, bà N có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T và xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng T. Căn cứ theo yêu cầu của nguyên đơn và xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 115/2017/VCB.QB ngày 06/11/2017 được ký kết giữa các bên là Ngân hàng T với ông H, bà N về hình thức và nội dung đều tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 116, 117, 398, 401, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự nên Hợp đồng này có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên giao kết hợp đồng. Theo đó, Ngân hàng T đã giải ngân cho ông H, bà N vay số tiền 1.000.000.000 đồng nhưng ông H, bà N lại cho rằng ông bà ký kết hợp đồng tín dụng nói trên là do bà Hoàng Thị H nhờ, bà H chỉ nhờ ông bà vay số tiền 50.000.000 đồng chứ không phải 1.000.000.000 đồng như ngân hàng đã trình bày. Tuy nhiên, qua xác minh tại chính quyền địa phương thì bà Hoàng Thị H hiện không có mặt tại địa phương nên không thể đối chất được. Việc ông H, bà N cho rằng ông bà được bà H nhờ ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông H, bà N không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc bà H nhờ ông bà ký kết hợp đồng vay vốn thay bà H. Mặt khác ông H, bà N đều thừa nhận ông bà là người trực tiếp ký Hợp đồng tín dụng và toàn bộ giấy tờ vay tại Ngân hàng (Trong đó có Giấy ủy nhiệm chi) để vay số tiền trên; sau khi ký hợp đồng thì bà H làm thủ tục và trực tiếp rút tiền còn ông bà không biết gì về việc này, ông bà chỉ nhận 90.000.000 đồng từ bà H và hàng tháng ông bà đưa cho bà H 70.000 đồng để trả lãi trên số tiền 90.000.000 đồng. Tuy nhiên,

sau khi ký hợp đồng, do ông bà là người trực tiếp ký tên vào hợp đồng để vay tiền và đã ký vào giấy 03 giấy ủy nhiệm chi để chuyển thanh toán tiền mua vật liệu phục vụ sửa chữa nhà ở cho bà H nên ông bà phải chịu mọi trách nhiệm liên quan đến khoản vay này đối với Ngân hàng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông bà đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng, mặc dù ngân hàng đã thông báo nợ đến hạn, quá hạn yêu cầu ông H, bà N trả nợ nhưng ông bà chỉ trả được 284.556.563 đồng tiền gốc và lãi. Từ đó cho đến nay, ông bà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình, không trả thêm được khoản nào cho Ngân hàng T. Như vậy, ông H, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo như cam kết tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên theo quy định tại các Điều 274, 280, 466 Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng ngân hàng. Do đó việc Ngân hàng T yêu cầu Tòa án buộc ông H bà N thanh toán toàn bộ số nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (14/01/2021) là 993.941.116 đồng (bao gồm nợ gốc là 815.946.465 đồng, nợ lãi trong hạn: 168.036.616 đồng; nợ lãi quá hạn: 9.958.035 đồng) là có căn cứ, cần được chấp nhận.

- Xét yêu cầu đối với tài sản thế chấp: Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 15/2017/VCB.QB ngày 03/11/2017, ông Hùng, bà Nguyên đã ký thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 173, tờ bản đồ số 4 tại thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 823714, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00096..QSD Đ69/Quyết định số-UB cấp ngày 21/01/1999 mang tên Hoàng H để đảm bảo cho khoản vay. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng T yêu cầu Tòa án tuyên xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tuy nhiên, qua xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số 173, tờ bản đồ số 4, tại thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình mà ông H, bà N đã thế chấp cho ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số 15/2017/VCB.QB ngày 03/11/2017 thì thửa đất này đã được tách ra làm 02 thửa đất là thửa đất số 314 cấp cho ông Hoàng L và thửa đất số 315 cấp cho ông Hoàng Văn T. Còn gia đình ông Hoàng H và bà Hoàng Thị N hiện đang sử dụng thửa đất số 358, tờ bản đồ số 8 (theo bản đồ địa chính năm 2017 là thửa đất số 146, tờ bản đồ số 4) và thửa đất này ông H, bà N đang được thế chấp tại Ngân hàng N. Như vậy, thửa đất số 173 tờ bản đồ số 4, tại thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình mà ông H, bà N đã thế chấp cho ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số 15/2017/VCB.QB ngày 03/11/2017 không phải của ông H, bà N và trên thực tế thửa đất này không có. Tại

phiên tòa hôm nay, sau khi xét hỏi, làm rõ các vấn đề liên quan đến việc thế chấp tài sản, đại diện Ngân hàng đã rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự đình chỉ yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 15/2017/VCB.QB ngày 03/11/2017.

[3] Về án phí: Do một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn ông Hoàng H và bà Hoàng Thị N phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 41.818.233 đồng để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng ông H, bà N thuộc diện hộ cận nghèo và có đơn xin được miễn án phí nên căn cứ vào Điều 14 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ tiền án phí cho ông H, bà N là phù hợp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 116, 117, 398, 401, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng ngân hàng; Điều 14 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị H.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T. Buộc ông Hoàng H và bà Hoàng Thị N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T số tiền tính đến ngày 14/01/2021 là 993.941.116 đồng (trong đó nợ gốc là 815.946.465 đồng, nợ lãi trong hạn là 168.036.616 đồng; nợ lãi quá hạn là 9.958.035 đồng).

3. Đình chỉ yêu cầu của ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 115/2017/VCB.QB ngày 03/11/2017 được ký kết giữa Ngân hàng T và ông Hoàng H, bà Hoàng Thị N để thu hồi nợ.

4. Về án phí: Miễn tiền án phí cho ông Hoàng H và bà Hoàng Thị N. Trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí là 19.964.968 đồng *(Mười chín triệu chín trăm sáu mươi tư nghìn chín trăm sáu tám đồng)* đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0006936 ngày 16/7/2020

"Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/01/2021) cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc còn lại cho đến khi thi hành xong, theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) và trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án (đối với người vắng mặt).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà

Nơi nhận:
-VKSND thị xã B;
- THA thị xã B;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.